

**CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM**

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

## CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Park Soon O	Ủy viên
Ông Cho Yong Hwan	Ủy viên
Ông Lee Je Won	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đào	Ủy viên
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Jean-Charles Belliol	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Ngô Phương Chí	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)

##### Ban Giám đốc

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Park Soon O	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Bán hàng
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính - Nhân sự
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM**

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lee Jae Eun**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011



Số: *MG* /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2011  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

*Nguyễn Tuấn Anh*

**Nguyễn Tuấn Anh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>648.202.144.780</b>	<b>517.578.676.446</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>36.306.652.215</b>	<b>194.655.450.698</b>
1. Tiền	111		7.005.717.001	10.800.475.974
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.300.935.214	183.854.974.724
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>45.512.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		45.512.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>180.803.457.883</b>	<b>84.850.323.292</b>
1. Phải thu khách hàng	131		113.858.982.577	59.740.666.032
2. Trả trước cho người bán	132	6	60.171.594.924	22.755.293.558
3. Các khoản phải thu khác	135		9.260.649.131	5.437.433.865
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.487.768.749)	(3.083.070.163)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>365.203.102.998</b>	<b>223.644.173.934</b>
1. Hàng tồn kho	141		365.203.102.998	223.644.173.934
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.376.931.684</b>	<b>14.428.728.522</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.050.667.148	4.065.123.131
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.978.600.135	7.125.786.682
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		150.000.000	150.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.197.664.401	3.087.818.709
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>151.073.412.141</b>	<b>150.410.990.962</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>141.406.780.298</b>	<b>137.272.715.005</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	118.856.471.916	113.938.369.073
- Nguyên giá	222		223.817.929.029	211.897.943.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.961.457.113)	(97.959.574.544)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	22.550.308.382	23.334.345.932
- Nguyên giá	228		37.440.687.876	37.183.200.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.890.379.494)	(13.848.854.829)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.418.360.000</b>	<b>6.418.360.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	2.395.160.000	2.395.160.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		1.023.200.000	4.023.200.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.248.271.843</b>	<b>6.719.915.957</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.470.790.266	5.576.592.860
2. Tài sản dài hạn khác	268		777.481.577	1.143.323.097
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>799.275.556.921</b>	<b>667.989.667.408</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>182.459.133.617</b>	<b>93.046.567.399</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>166.282.784.273</b>	<b>76.064.162.898</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	70.608.119.096	-
2. Phải trả người bán	312		54.584.154.983	25.714.615.128
3. Người mua trả tiền trước	313		6.501.350.288	3.057.352.309
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	25.994.502.957	35.015.807.865
5. Phải trả người lao động	315		5.466.540.552	9.454.709.297
6. Chi phí phải trả	316		741.426.173	312.812.341
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.386.690.224	2.508.865.958
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.176.349.344</b>	<b>16.982.404.501</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.776.349.344	2.582.404.501
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	13	14.400.000.000	14.400.000.000
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>616.816.423.304</b>	<b>574.943.100.009</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>616.816.423.304</b>	<b>574.943.100.009</b>
1. Vốn điều lệ	411		229.919.860.000	153.279.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.000.000.000	191.000.000.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		7.330.388.695	3.501.804.790
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		188.566.174.609	227.161.335.219
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>799.275.556.921</b>	<b>667.989.667.408</b>



Lee Jae Eun  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Cho Yong Hwan  
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011	Từ ngày 01/01/2010
			đến ngày 30/6/2011	đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng	01	15	337.915.109.430	175.908.081.788
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	989.449.554	380.502.961
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	15	336.925.659.876	175.527.578.827
4. Giá vốn hàng bán	11	16	203.357.483.416	105.187.366.788
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		133.568.176.460	70.340.212.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	13.399.965.952	5.492.732.031
7. Chi phí tài chính	22	18	5.133.456.227	6.545.747.876
8. Chi phí bán hàng	24		24.416.462.416	17.121.005.025
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.455.921.148	18.055.666.306
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		92.962.302.621	34.110.524.863
11. Thu nhập khác	31		1.054.315.152	1.042.278.020
12. Chi phí khác	32		660.302.789	262.554.316
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		394.012.363	779.723.704
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		93.356.314.984	34.890.248.567
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	19.536.999.689	6.978.049.713
16. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		73.819.315.295	27.912.198.854



Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Cho Yong Hwan  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	93.356.314.984	34.890.248.567
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.078.475.831	5.371.507.995
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.707.085.344)	-
Chi phí lãi vay	06	965.249.158	104.855.579
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	100.692.954.629	40.366.612.141
(Tăng) các khoản phải thu	09	(102.275.431.940)	(26.441.658.147)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(141.558.929.064)	(54.770.370.023)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	25.535.584.747	4.281.751.885
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(5.327.396.281)	(6.171.145.950)
Tiền lãi vay đã trả	13	(379.423.488)	(104.855.579)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(26.864.522.327)	(12.890.401.553)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.096.055.157)	294.976.283
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(152.273.218.881)</b>	<b>(55.435.090.943)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(12.361.703.891)	(1.793.798.194)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.512.000.000)	(26.095.625.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	3.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.029.382.693	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(46.844.321.198)</b>	<b>(27.889.423.194)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	70.608.119.096	20.525.691.215
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(28.111.308.615)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(29.839.377.500)	(10.420.040.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>40.768.741.596</b>	<b>(18.005.657.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(158.348.798.483)</b>	<b>(101.330.171.537)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>194.655.450.698</b>	<b>130.691.248.872</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>602.146.759</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>36.306.652.215</b>	<b>29.963.224.094</b>



**Lê Jae Eun**  
Tổng Giám đốc

**Cho Yong Hwan**  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày 4 tháng 9 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 1.138 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.032).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 (số năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư vào công ty con**

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con đang bị lỗ trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000, Công văn số 4130/TCT-CS của Bộ Tài chính gửi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 11 năm 2008 và Biên bản làm việc ngày 26 tháng 5 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ thời điểm Công ty bắt đầu kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Năm 2011 là năm thứ tám Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2008, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động này chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	121.300.183	299.977.099
Tiền gửi ngân hàng	6.884.416.818	10.500.498.875
Các khoản tương đương tiền (*)	29.300.935.214	183.854.974.724
	<b>36.306.652.215</b>	<b>194.655.450.698</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Số dư trả trước cho người bán chủ yếu bao gồm khoản ứng trước cho nhà cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa và các khoản ứng trước sau:

- Ứng trước cho Công ty Cổ phần Bất động sản An Việt theo Hợp đồng góp vốn đầu tư ngày 25 tháng 3 năm 2011 để góp vốn vào dự án Đại đồng Kinh Bắc tại tỉnh Bắc Ninh. Tổng giá trị vốn góp của Công ty vào dự án là 7.473.000.000 VND. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp 4.483.800.000 VND vào dự án.
- Ứng trước cho Công ty TNHH Một thành viên Keangnam-Vina theo Hợp đồng cho thuê dài hạn mặt bằng bán lẻ khu căn hộ ký ngày 14 tháng 3 năm 2011. Thời hạn thuê được bắt đầu từ ngày bàn giao và kết thúc vào ngày 29 tháng 6 năm 2057. Giá trị hợp đồng là 8.765.400.000 VND, tương đương 449.508 USD. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, hai bên chưa tiến hành bàn giao diện tích thuê. Theo điều khoản của hợp đồng, Công ty đã ứng trước 100% giá trị hợp đồng là 449.508 USD tương đương 9.641.940.000 VND.
- Ứng trước cho Công ty Cổ phần Nguyên Hồng theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản ngày 17 tháng 6 năm 2011. Theo điều khoản của hợp đồng, hai bên thực hiện việc chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Giá trị tài sản chuyển nhượng là 25.000.000.000 VND. Theo điều khoản của hợp đồng, Công ty đã ứng trước 100% giá trị hợp đồng. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, hai bên chưa thực hiện xong các thủ tục chuyển nhượng tài sản và các giá trị đã đầu tư trên đất.

## 7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	13.002.491.763	1.425.944.332
Nguyên liệu, vật liệu	211.876.920.495	131.277.758.424
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.398.270.514	3.987.532.657
Thành phẩm	130.050.311.618	81.776.783.983
Hàng hoá	3.742.448.242	4.918.750.804
Hàng gửi đi bán	4.132.660.366	257.403.734
	<b>365.203.102.998</b>	<b>223.644.173.934</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	42.871.156.276	148.443.241.404	13.562.699.129	4.991.469.403	2.029.377.405	211.897.943.617
Tăng trong kỳ	-	11.651.916.776	452.300.000	-	-	12.104.216.776
Giảm trong kỳ	-	-	157.081.364	-	27.150.000	184.231.364
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>42.871.156.276</b>	<b>160.095.158.180</b>	<b>13.857.917.765</b>	<b>4.991.469.403</b>	<b>2.002.227.405</b>	<b>223.817.929.029</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	17.172.726.967	73.525.921.647	2.624.704.930	3.879.297.735	756.923.265	97.959.574.544
Trích vào chi phí trong kỳ	743.567.605	5.033.214.175	276.854.843	721.047.474	262.267.069	7.036.951.166
Giảm trong kỳ	-	-	30.543.597	-	4.525.000	35.068.597
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>17.916.294.572</b>	<b>78.559.135.822</b>	<b>2.871.016.176</b>	<b>4.600.345.209</b>	<b>1.014.665.334</b>	<b>104.961.457.113</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	<b>24.954.861.704</b>	<b>81.536.022.358</b>	<b>10.986.901.589</b>	<b>391.124.194</b>	<b>987.562.071</b>	<b>118.856.471.916</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>25.698.429.309</b>	<b>74.917.319.757</b>	<b>10.937.994.199</b>	<b>1.112.171.668</b>	<b>1.272.454.140</b>	<b>113.938.369.073</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 với giá trị là 30.681.408.963 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 30.668.751.463 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp dây chuyền máy móc sản xuất bông, công trình xây dựng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với tổng giá trị là 47.531.318.779 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	23.494.500.000	7.831.500.000	5.274.119.189	583.081.572	37.183.200.761
Tăng trong kỳ	-	-	153.675.000	103.812.115	257.487.115
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2011	23.494.500.000	7.831.500.000	5.427.794.189	686.893.687	37.440.687.876
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	8.779.523.694	4.216.961.545	579.307.519	273.062.071	13.848.854.829
Trích vào chi phí trong kỳ	613.124.010	258.181.320	91.034.425	79.184.910	1.041.524.665
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2011	9.392.647.704	4.475.142.865	670.341.944	352.246.981	14.890.379.494
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2011	14.101.852.296	3.356.357.135	4.757.452.245	334.646.706	22.550.308.382
Tại ngày 31/12/2010	14.714.976.306	3.614.538.455	4.694.811.670	310.019.501	23.334.345.932

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp với số vốn điều lệ là 9.600.000.000 VND, số vốn các cổ đông thực góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 4.125.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con này, tương đương 5.568.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số vốn Công ty thực góp vào công ty con này là 2.395.160.000 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	41.706.519.666	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	20.852.744.590	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	8.048.854.840	-
	<u>70.608.119.096</u>	<u>-</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay sau:

- Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) (“Ngân hàng ANZ”) theo tiện ích có thể rút bằng đồng USD với hạn mức tiện ích không vượt quá 1.800.000 USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

  - (a) hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho tại nhà kho tại Đồng Nai và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ít nhất bằng 100% hạn mức tiện ích;
  - (b) hợp đồng thế chấp dây chuyền máy móc sản xuất bông với giá trị 436.048 USD; và
  - (c) bất kỳ biện pháp bảo đảm hoặc hỗ trợ tín dụng nào khác có thể được cung cấp cho Ngân hàng ANZ tùy từng thời điểm.

Mục đích của khoản vay nhằm hỗ trợ Công ty mua nguyên vật liệu hoặc để thanh toán các thu tín dụng chứng từ trả ngay do Ngân hàng ANZ phát hành. Kỳ hạn tối đa cho mỗi lần rút vốn là 150 ngày, lãi suất của bất kỳ khoản vay nào được cấp theo tiện ích này bằng 2,25%/năm cộng chi phí vốn vay.
- Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cấp tín dụng với hạn mức tín dụng 120 tỷ đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền nhập khẩu hàng hóa và các chi phí hợp lý khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và các mục đích khác. Khoản vay được đảm bảo tài sản thế chấp, cầm cố là công trình xây dựng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 39.346.891.000 VND theo các hợp đồng thế chấp cầm cố. Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ nhưng không vượt quá 6 tháng/kế ước. Lãi suất vay cố định cho từng giấy nhận nợ, theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng áp dụng cho từng thời kỳ.
- Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (“VIB”) theo Hợp đồng tín dụng với hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp toàn bộ nguyên vật liệu và thành phẩm để sản xuất chăn ga gối đệm tại kho Hà Nội. Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ nhưng không vượt quá 6 tháng/kế ước. Lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND/USD kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của VIB + lãi biên tối thiểu 1,5%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	565.623.313	1.158.585.512
Thuế xuất, nhập khẩu	600.339.606	1.484.199.215
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.129.399.761	30.456.922.399
Thuế thu nhập cá nhân	1.644.177.176	1.861.137.639
Các loại thuế khác	54.963.101	54.963.100
	<b>25.994.502.957</b>	<b>35.015.807.865</b>

**13. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 2 tháng 3 năm 2011, Công ty trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% lợi nhuận trước thuế của năm 2010 tương ứng với số tiền là 14.400.000.000 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	107.200.000.000	71.000.000.000	1.148.026.429	-	156.074.111.899	335.422.138.328
Phát hành cổ phiếu mới	30.000.000.000	120.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	16.079.960.000	-	-	-	(16.079.960.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	102.371.678.109	102.371.678.109
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	4.484.454.789	(4.484.454.789)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(10.720.040.000)	(10.720.040.000)
Giảm khác	-	-	(1.148.026.429)	(982.649.999)	-	(2.130.676.428)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>153.279.960.000</b>	<b>191.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.501.804.790</b>	<b>227.161.335.219</b>	<b>574.943.100.009</b>
Phát hành cổ phiếu mới (i)	76.639.900.000	-	-	-	(76.639.900.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	73.819.315.295	73.819.315.295
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (ii)	-	-	-	5.118.583.905	(5.118.583.905)	-
Cổ tức đã chia (iii)	-	-	-	-	(30.655.992.000)	(30.655.992.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.290.000.000)	-	(1.290.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2011</b>	<b>229.919.860.000</b>	<b>191.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>7.330.388.695</b>	<b>188.566.174.609</b>	<b>616.816.423.304</b>

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty được phê duyệt tăng thêm 50% thông qua việc phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ cổ phiếu thưởng là 50%.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sẽ tăng thêm 5.118.583.805 VND, trích 5% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, Công ty quyết định chia cổ tức với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phiếu (2.000 đồng/cổ phiếu). Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền 29.517.993.700 VND trong kỳ. Phần cổ tức còn lại với số tiền 1.137.998.300 VND chưa được thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 17 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 229.919.860.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 30/6/2011	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	16,21%	3.726.000	37.260.000.000	16,21%	37.260.000.000
Quỹ Đầu tư Red River Holdings	12,48%	2.869.500	28.695.000.000	12,48%	28.695.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	9,00%	2.070.000	20.700.000.000	9,00%	20.700.000.000
Quỹ thành viên Việt Nhật	6,52%	1.500.000	15.000.000.000	6,52%	15.000.000.000
Các cổ đông khác	55,63%	12.826.486	128.264.860.000	55,79%	128.264.860.000
	<b>100%</b>	<b>22.991.986</b>	<b>229.919.860.000</b>	<b>100%</b>	<b>229.919.860.000</b>

**15. DOANH THU**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Doanh thu thành phẩm chăn gà đệm	189.982.552.494	91.434.908.779
Doanh thu thành phẩm bông	113.391.384.769	67.369.216.039
Doanh thu chăn bông	27.057.590.165	11.883.574.822
Doanh thu bán hàng hóa khác	7.483.582.002	5.220.382.148
<b>Tổng</b>	<b>337.915.109.430</b>	<b>175.908.081.788</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	989.449.554	380.502.961
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>989.449.554</i>	<i>380.502.961</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>336.925.659.876</b>	<b>175.527.578.827</b>

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Giá vốn thành phẩm chăn gà đệm	86.928.917.080	67.749.310.884
Giá vốn thành phẩm bông	81.179.221.175	29.903.918.791
Giá vốn chăn bông	21.104.809.150	6.844.833.726
Giá vốn bán hàng hóa khác	14.144.536.011	689.303.387
	<b>203.357.483.416</b>	<b>105.187.366.788</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lãi tiền gửi	9.685.036.859	3.206.756.308
Cổ tức được chia	51.431.178	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.663.497.915	2.285.975.723
	<b>13.399.965.952</b>	<b>5.492.732.031</b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lãi tiền vay	965.249.158	104.855.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.168.207.069	6.440.892.297
	<b>5.133.456.227</b>	<b>6.545.747.876</b>

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	93.356.314.984	34.890.248.567
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	84.703.206.618	34.890.248.567
Lợi nhuận từ hoạt động khác	8.653.108.366	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.097.174.623	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	51.431.178	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.148.605.801	-
<b>Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh</b>	<b>86.527.454.249</b>	<b>34.890.248.567</b>
<b>Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khác</b>	<b>8.926.035.358</b>	-
Thuế suất đối với hoạt động kinh doanh	20%	20%
Thuế suất đối với hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.536.999.689	6.978.049.713
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>19.536.999.689</b>	<b>6.978.049.713</b>

**20. CAM KẾT GÓP VỐN**

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Cam kết góp vốn vào Mattpia	3.175.500.000	3.175.500.000

Thể hiện số vốn còn phải góp theo cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam ("Mattpia") dựa trên tỷ lệ góp vốn là 58% vốn điều lệ của Công ty Mattpia theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

**21. CAM KẾT ĐẦU TƯ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có cam kết đầu tư xây dựng nhà xưởng tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với số tiền là 126.786.230.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM**Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
<b>Doanh thu</b>		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	894.394.809	739.394.012
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	3.310.806.236	2.387.537.011
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	1.049.927.690	66.093.400
<b>Các khoản ứng trước</b>		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	1.716.297.000	-
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	748.138.958	-
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lương và các quyền lợi gộp khác	8.950.625.865	4.727.254.713

**23. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Lê Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Cho Yong Hwan  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

\*\*\*